

Bản án số: 59/2024/DS-ST

Ngày: 29-8-2024

Về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Hồ Hạnh Nguyên

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Bà Nguyễn Thị Di

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Trần Minh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2024/TLST-DS ngày 24-4-2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST-DS ngày 26-7-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐST-DS ngày 12-8-2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ liên hệ: C H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ N, sinh năm 1989; địa chỉ liên hệ: 309A H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; là đại diện theo Quyết định số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25-12-2023 và Giấy ủy quyền số 47/GUQ-PGD ngày 21-02-2024 (có mặt).

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; địa chỉ: E khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần S thông qua người đại diện hợp pháp trình bày:**

Ngày 12-6-2021, Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Thị T ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà T với hạn mức sử dụng là 30.000.000đ, mục đích là tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 31.2%/ năm.

Bà T được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 26.600.000đ. Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 23.025.000đ; trong đó: Nợ gốc là 11.529.752đ, còn lại 11.495.000đ là phí và lãi.

Kỳ cuối cùng bà T thanh toán cho Ngân hàng là ngày 15-11-2023, đến ngày 15-12-2023 thì bà T không thanh toán nữa. Do bà T vi phạm hợp đồng nên ngày 15-3-2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, cụ thể là 4.149%/tháng trên số tiền nợ nêu trên.

Vì bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà T phải trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng tính đến ngày 29-8-2024 tổng cộng là 40.120.917đ; trong đó:

- Nợ gốc: 15.070.248đ;
- Phí và lãi: 17.522.977đ;
- Lãi quá hạn: 7.527.692đ.

**Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị T:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà T đến làm việc nhưng bà T vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

**Đại diện Viện kiểm sát huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đúng quy định. Đương sự có mặt tại phiên tòa sơ thẩm chấp hành tốt quy định pháp luật tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tuyên bị đơn phải cho nguyên đơn tổng số tiền là 40.120.917đ; trong đó: Nợ gốc là 15.070.248đ; phí và lãi là 17.522.977đ; lãi quá hạn là 7.527.692đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

[1.1.] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật

Tổ tụng dân sự. Bị đơn là bà Nguyễn Thị T có địa chỉ tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Nguyễn Thị T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

## [2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 29-8-2024 tổng cộng là 40.120.917đ; trong đó: Nợ gốc là 15.070.248đ; phí và lãi là 17.522.977đ; lãi quá hạn là 7.527.692đ và tiền lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 30-8-2024 theo mức lãi suất hai bên đã ký tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12-6-2021 cho đến khi bà T thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

[2.1] Căn cứ Hợp đồng giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị T được xác lập theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12-6-2021 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng. Xét thấy, hình thức và nội dung của Hợp đồng tín dụng nêu trên phù hợp với quy định pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại các Điều 401, 402, 405 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng đã cấp tín dụng cho bà T với hạn mức là 30.000.000đ, mục đích là tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 31.2%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 26.600.000đ. Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 23.025.000đ; trong đó: Nợ gốc là 11.529.752đ, còn lại 11.495.000đ là phí và lãi. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó sẽ trừ vào các khoản giao dịch. Kỳ cuối cùng bà T thanh toán cho Ngân hàng là ngày 15-11-2023, đến ngày 15-12-2023 thì bà T không thanh toán nữa. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T không có thiện chí trả nợ. Do đó, ngày 15-3-2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, cụ thể là 4.149%/ tháng trên số tiền nợ nêu trên. Như vậy, hiện nay bà T còn nợ Ngân hàng số tiền là 40.120.917đ; trong đó: Nợ gốc là 15.070.248đ; phí và lãi là 17.522.977đ; lãi quá hạn là 7.527.692đ.

Xét thấy, bà T đã ký vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12-6-2021 kèm theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, tại phần cam kết của Giấy đề nghị bà T xác nhận đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi điều khoản và điều kiện của thẻ tín dụng, chịu trách nhiệm

đối với các nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ tín dụng mà bà được cấp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Điều 18, 24 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng ngày 12-6-2021 nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền là 40.120.917đ; trong đó: Nợ gốc là 15.070.248đ; phí và lãi là 17.522.977đ; lãi quá hạn là 7.527.692đ và phải tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 30-8-2024 theo mức lãi suất hai bên đã ký tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 12-6-2021 cho đến khi bà T thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng là có cơ sở, cần được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 401, 402, 405, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị T về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”:

Bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12-6-2021 là 40.120.917đ (*Bốn mươi triệu, một trăm hai mươi ngàn, chín trăm mười bảy đồng*); trong đó: Nợ gốc là 15.070.248đ; phí và lãi là 17.522.977đ; lãi quá hạn là 7.527.692đ.

Bà Nguyễn Thị T tiếp tục phải trả lãi phát sinh từ ngày 30-8-2024 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12-6-2021 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị T phải chịu 2.006.046đ (*Hai triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, không trăm bốn mươi sáu đồng*).

2.2. Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 858.780đ (*Tám trăm năm mươi tám ngàn, bảy trăm tám mươi đồng*) theo Biên lai thu số 0004500 ngày 24-4-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4.** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Điền;
- Chi cục THADS huyện Long Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(*đã ký*)

**Hồ Hạnh Nguyên**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thủy**

**Nguyễn Thị Di**

**Hồ Hạnh Nguyên**